

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2025/HNGĐ- ST

Ngày 16/12/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Gia Văn Tính và ông Phan Văn Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P - Sinh năm: 1985.

Căn cước số: 038185019963; Cấp ngày: 15/05/2025; Nơi cấp: Bộ C. Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 10/12/2025).

Nơi cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1987.

Căn cước công dân số: 038087010651; Cấp ngày: 07/01/2022; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Có mặt.

Nơi cư trú: Bản S, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, sống chung với nhau từ năm 2025 và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2025 tại UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian và không có con chung. Đến khoảng tháng 9 năm 2025 trở lại đây vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần chị cũng đã chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình. Chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09 năm 2025 cho đến nay. Nay chị mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị P tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, sống chung với nhau từ năm 2025 và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2025 tại UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian dài và không có con chung. Đến tháng 9 năm 2025 vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, nhưng đến tháng 10 năm 2025 trở lại đây vợ chồng anh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau và chị P không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần anh cũng đã chịu đựng và nhường nhịn chị P để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Hiện tại chị Phạm Thị P đã ra ở ngoài từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay. Hiện nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị P và mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị P đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Chị Phạm Thị P đề nghị xét xử vắng nên căn cứ điều 227, điều 228, của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị P được ly hôn với anh T. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên không xem xét. Về tài sản và công nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Chị Phạm Thị P là

người dân tộc thiểu số (dân tộc T1), sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2025 tại UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, không hoà hợp được, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không thông cảm được cho nhau trong cuộc sống. Vì những lẽ đó, từ khoảng tháng 9 năm 2025 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được anh Phạm Văn T thừa nhận, có xác nhận của trưởng bản và chính quyền địa phương. Tuy anh T không muốn ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Phạm Văn T để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị P và anh T không có con chung nên miễn xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị P là người dân tộc thiểu số (dân tộc T1), sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Phạm Văn T.

Án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Phạm Thị P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thị Yến Vi N TrungPhạm Văn Hùng